

## ĐỀ SỐ 8

Read the following email and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

DỊCH BÀI	
<p><b>Subject:</b> <i>Delayed Delivery</i></p> <p>Dear Customer Support Team,</p> <p>I am writing this email to make a complaint regarding the delivery of my recent order (#12345) from your company, QuickShip Express. The delivery date initially estimated was December 1st, but I have yet to receive my package, and there has also been no update on its status.</p> <p>I understand that delays can sometimes happen, but a lack of communication is even more frustrating. Could you please provide me with information about the whereabouts of my order and let me know when I can expect it to arrive?</p> <p>I would appreciate your prompt attention to this matter. Thank you for your time and assistance.</p> <p>Best regards, John Doe Phone: 555-1234 Email: johndoe@email.com</p>	<p><b>Chủ đề:</b> <i>Giao hàng chậm trễ</i></p> <p>Kính gửi Đội ngũ Hỗ trợ Khách hàng,</p> <p>Tôi viết email này để phản ánh về việc giao hàng của đơn đặt hàng gần đây của tôi (#12345) từ công ty QuickShip Express. Ngày giao hàng dự kiến ban đầu là ngày 1 tháng 12, nhưng đến nay tôi vẫn chưa nhận được gói hàng, và cũng không có bất kỳ cập nhật nào về tình trạng của nó.</p> <p>Tôi hiểu rằng đôi khi có thể xảy ra chậm trễ, nhưng sự thiếu thông tin liên lạc còn gây khó chịu hơn. Quý công ty có thể vui lòng cung cấp thông tin về nơi gói hàng của tôi hiện đang ở đâu và hãy cho tôi biết khi nào tôi có thể nhận được nó được không?</p> <p>Tôi rất mong nhận được sự quan tâm kịp thời từ phía quý công ty về vấn đề này. Cảm ơn quý công ty đã dành thời gian và hỗ trợ.</p> <p>Trân trọng, John Doe SĐT: 555-1234 Email: johndoe@email.com</p>

Question 1. A. set

B. take

C. make

D. feed

*make a complaint: khiếu nại, phàn nàn*

**Tạm dịch:** I am writing this email to make a complaint regarding the delivery of my recent order (#12345) from your company, QuickShip Express. (Tôi viết email này để phản ánh về việc giao hàng của đơn đặt hàng gần đây của tôi (#12345) từ công ty QuickShip Express.)

→ Chọn đáp án C

Question 2. A. estimated

B. estimating

C. to estimate

D. estimates

**Kiến thức từ vựng:**

Ta cần một động từ phân từ (past participle) để bổ nghĩa cho 'delivery date' trong cấu trúc bị động nên 'estimated' là đáp án đúng.

**Tạm dịch:** The delivery date initially estimated was December 1st, but I have yet to receive my package, and there has also been no update.... (Ngày giao hàng dự kiến ban đầu là ngày 1 tháng 12, nhưng đến nay tôi vẫn chưa nhận được gói hàng, và cũng không có bất kỳ cập nhật nào...)

→ Chọn đáp án A

Question 3. A. by

B. at

C. on

D. up

**Dạng động từ:**

*update on something: cập nhật cái gì*

**Tạm dịch:** The delivery date initially estimated was December 1st, but I have yet to receive my package, and there has also been no update on its status. (Ngày giao hàng dự kiến ban đầu là ngày 1 tháng 12, nhưng đến nay tôi vẫn chưa nhận được gói hàng, và cũng không có bất kỳ cập nhật nào về tình trạng của nó.)

→ Chọn đáp án C

Question 4. A. variety B. proportion C. amount D. lack

**Kiến thức cụm từ chỉ lượng:**

- A. variety + N (số nhiều): đa dạng, nhiều
- B. proportion of + N (đếm được/không đếm được): tỷ lệ
- C. amount of + N (không đếm được): lượng
- D. lack of + N (không đếm được/số nhiều): thiếu

**Tạm dịch:** I understand that delays can sometimes happen, but a lack of communication is even more frustrating. (Tôi hiểu rằng đôi khi có thể xảy ra chậm trễ, nhưng sự thiếu thông tin liên lạc còn gây khó chịu hơn.)

→ Chọn đáp án D

Question 5. A. to arrive B. arriving C. to arriving D. arrive

**Dạng động từ:**

expect to do something: mong đợi làm gì

**Tạm dịch:** Could you please provide me with information about the whereabouts of my order and let me know when I can expect it to arrive? (Quý công ty có thể vui lòng cung cấp thông tin về nơi gói hàng của tôi hiện đang ở đâu và hãy cho tôi biết khi nào tôi có thể nhận được nó được không?)

→ Chọn đáp án A

Question 6. A. assisted B. assist C. assistance D. assistants

**Kiến thức từ vựng:**

- assist /ə'sɪst/ (v): hỗ trợ, giúp đỡ
- assistance /ə'sɪstəns/ (n): sự hỗ trợ
- assistant /ə'sɪstənt/ (n): trợ lý

Chỗ trống đứng sau liên từ "and" nối danh từ "time" → cần danh từ

**Tạm dịch:** Thank you for your time and assistance. (Cảm ơn quý công ty đã dành thời gian và hỗ trợ.)

→ Chọn đáp án C





Read the following social media post and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

 **Event Cancellation Notice** 

Unfortunately, the weather forecast predicts heavy storms tomorrow, so, (7) \_\_\_\_\_ your safety, we have no choice but to (8) \_\_\_\_\_ the event. We understand and sincerely apologise for any disappointment this may cause. However, there is a(n) (9) \_\_\_\_\_ that will be notified to you as soon as possible. For those who've (10) \_\_\_\_\_ tickets, please rest assured that there are two options available for you. You will receive a full refund if you claim it. (11) \_\_\_\_\_ option is to transfer your ticket to the new date.

Please share this post to spread this information to everyone. We appreciate your understanding and support during this time. Thank you for your (12) \_\_\_\_\_, and we look forward to welcoming you again!

#EventUpdate #Cancellation #Reschedule #Refund #StaySafe

DỊCH BÀI	
 <b>Event Cancellation Notice</b>  Unfortunately, the weather forecast predicts heavy storms tomorrow, so, for the sake of your safety, we have no choice but to call off the event. We	 <b>Thông báo hủy sự kiện</b>  Thật không may, dự báo thời tiết cho biết sẽ có mưa bão lớn vào ngày mai, vì thế, vì sự an toàn của quý vị, chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc

<p><i>understand and sincerely apologise for any disappointment this may cause. However, there is a(n) rescheduled event date that will be notified to you as soon as possible. For those who've purchased tickets, please rest assured that there are two options available for you. You will receive a full refund if you claim it. The other option is to transfer your ticket to the new date.</i></p> <p><i>Please share this post to spread this information to everyone. We appreciate your understanding and support during this time. Thank you for your patience, and we look forward to welcoming you again!</i></p> <p><i>#EventUpdate #Cancellation #Reschedule #Refund #StaySafe</i></p>	<p><i>hủy bỏ sự kiện. Chúng tôi hiểu và chân thành xin lỗi vì gây thất vọng cho quý vị. Tuy nhiên, một ngày tổ chức lại sự kiện sẽ được thông báo tới quý vị sớm nhất có thể. Đối với những ai đã mua vé, xin hãy yên tâm rằng quý vị có hai lựa chọn. Quý vị sẽ nhận được hoàn tiền đầy đủ nếu yêu cầu. Lựa chọn còn lại là chuyển vé sang ngày tổ chức mới.</i></p> <p><i>Vui lòng chia sẻ bài đăng này để thông tin được truyền đến mọi người. Chúng tôi cảm kích sự thông cảm và ủng hộ của quý vị trong thời gian này. Xin cảm ơn sự kiên nhẫn của quý vị, và chúng tôi mong được chào đón quý vị vào lần sau!</i></p> <p><i>#CậpNhatSuKien #HuySuKien #DoiLich #HoanTien #AnToan</i></p>
--	--

Question 7. **A. for the sake of**      B. irrespective of      C. prior to      D. thanks to

**Kiến thức về từ nối:**

A. *for the sake of*: vì lợi ích của, vì mục đích của

B. *irrespective of*: bất kể, không phân biệt

C. *prior to*: trước khi

D. *thanks to*: nhờ vào, nhờ có

**Tạm dịch:** Unfortunately, the weather forecast predicts heavy storms tomorrow, so, for the sake of your safety, we have no choice but... (Thật không may, dự báo thời tiết cho biết sẽ có mưa bão lớn vào ngày mai, vì sự an toàn của quý vị, chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc...)

→ Chọn đáp án A

Question 8. A. go without      B. figure out      C. get by      **D. call off**

**Kiến thức về cụm từ thông dụng:**

A. *go without something*: không có cái gì, sống mà không cần cái gì

B. *figure out something*: tìm ra, hiểu ra cái gì

C. *get by*: xoay xở, sống sót (trong hoàn cảnh khó khăn)

D. *call off something*: hủy bỏ cái gì

**Tạm dịch:** Unfortunately, the weather forecast predicts heavy storms tomorrow, so, for the sake of your safety, we have no choice but to call off the event. (Thật không may, dự báo thời tiết cho biết sẽ có mưa bão lớn vào ngày mai, vì sự an toàn của quý vị, chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc hủy bỏ sự kiện.)

→ Chọn đáp án D

Question 9. **A. rescheduled event date**      B. rescheduled date event  
C. event rescheduled date      D. date rescheduled event

**Trật tự từ:**

- *event date (np)*: ngày tổ chức sự kiện

- *rescheduled (adj)*: lên lịch lại

Ta cần một tính từ ở trước danh từ nên ta dùng 'rescheduled' ở phía trước, tạo thành cụm chính xác 'rescheduled event day' (ngày tổ chức lại sự kiện).

**Tạm dịch:** However, there is a rescheduled event date that will be notified to you as soon as possible. (Tuy nhiên, một ngày tổ chức lại sự kiện sẽ được thông báo tới quý vị sớm nhất có thể.)

→ Chọn đáp án A

Question 10. A. repaid                      **B. purchased**                      C. preserved                      D. pursued

**Kiến thức từ vựng:**

- A. repay /rɪ'peɪ/ (v): hoàn trả, đền đáp
- B. purchase /'pɜ:tʃəs/ (v): mua
- C. preserve /prɪ'zɜ:v/ (v): bảo tồn, giữ gìn
- D. pursue /pə'sju: / (v): theo đuổi

**Tạm dịch:** For those who've purchased tickets, please rest assured that there are two options available for you. (Đối với những ai đã mua vé, xin hãy yên tâm rằng quý vị có hai lựa chọn.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 11. A. Other                      **B. The other**                      C. Others                      D. Another

**Kiến thức về lượng từ:**

- A. other + N (số nhiều/không đếm được): những cái/người khác
- B. the other + N (số ít/số nhiều): (những) cái còn lại/(những) người còn lại
- C. others: những người khác/những cái khác
- D. another + N (số ít): một cái khác/một người khác

'option' là danh từ đếm được số ít và đã xác định (lựa chọn còn lại trong 2 lựa chọn) nên ta dùng 'the other'.

**Tạm dịch:** You will receive a full refund if you claim it. The other option is to transfer your ticket to the new date. (Quý vị sẽ nhận được hoàn tiền đầy đủ nếu yêu cầu. Lựa chọn còn lại là chuyển vé sang ngày tổ chức mới.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 12. A. leisure                      B. respect                      C. account                      **D. patience**

**Kiến thức từ vựng:**

- A. leisure /'leɪzə(r)/ (n): thời gian rảnh rỗi, giải trí
- B. respect /rɪ'spekt/ (n): sự tôn trọng, kính trọng
- C. account /ə'kaʊnt/ (n): tài khoản; báo cáo; lý do, nguyên nhân
- D. patience /'peɪfns/ (n): sự kiên nhẫn, nhẫn nại

**Tạm dịch:** Thank you for your patience, and we look forward to welcoming you again! (Xin cảm ơn sự kiên nhẫn của quý vị, và chúng tôi mong được chào đón quý vị vào lần sau!)

→ **Chọn đáp án D**

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange of text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13.

- a. Emma: That's cool! Are you using a machine or just making it by hand?
- b. Kevin: I've been experimenting with making my own coffee at home recently.
- c. Kevin: I use a French press. It's really easy and tastes great!

**A. b – a – c**                      B. a – c – b                      C. c – b – a                      D. c – a – b

<b>DỊCH BÀI</b>	
Kevin: I've been experimenting with making my own coffee at home recently.	Kevin: Gần đây mình đã thử nghiệm pha cà phê tại nhà.
Emma: That's cool! Are you using a machine or just making it by hand?	Emma: Tuyệt quá! Cậu đang sử dụng máy pha cà phê hay chỉ pha bằng tay?
Kevin: I use a French press. It's really easy and tastes great!	Kevin: Mình sử dụng bình pha cà phê kiểu Pháp. Nó thật sự dễ pha và có hương vị tuyệt vời!

→ Chọn đáp án A

Question 14.

- a. Ben: That's smart! I've heard a planner can make a big difference in productivity.
- b. Ben: What's so special about using a planner?
- c. Sara: I'm going to use a planner to keep track of my assignments.
- d. Ben: How are you planning to manage your time better this semester?
- e. Sara: It helps me stay organized and prevents me from missing deadlines.

A. a – e – d – c – b

B. b – e – a – c – d

C. d – c – b – e – a

D. d – c – a – e – b

**DỊCH BÀI**

**Ben:** How are you planning to manage your time better this semester?

**Ben:** Cậu định quản lý thời gian tốt hơn trong học kỳ này như thế nào?

**Sara:** I'm going to use a planner to keep track of my assignments.

**Sara:** Mình sẽ dùng một cuốn sổ kế hoạch để theo dõi các bài tập.

**Ben:** What's so special about using a planner?

**Ben:** Việc dùng sổ kế hoạch có gì đặc biệt vậy?

**Sara:** It helps me stay organized and prevents me from missing deadlines.

**Sara:** Nó giúp mình sắp xếp công việc một cách có tổ chức và tránh bị trễ hạn.

**Ben:** That's smart! I've heard a planner can make a big difference in productivity.

**Ben:** Thật thông minh! Mình đã nghe rằng sổ kế hoạch có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong hiệu suất làm việc.

→ Chọn đáp án C

Question 15.

Hey Jack,

- a. I'm also trying to cut down on caffeine, so I've been drinking green tea instead of coffee.
- b. Let me know if you have any tips or ideas to make mornings even better!
- c. By the way, do you have any morning routines that help you start your day off right?
- d. At first, it was really tough, but I've gotten used to it, and I feel so much more energized.
- e. I've started waking up at 5 AM to do a morning workout before work.

Cheers,

Sophie

A. d – c – a – b – e

B. e – c – d – a – b

C. e – c – a – b – c

D. e – d – a – c – b

**DỊCH BÀI**

Hey Jack,  
I've started waking up at 5 AM to do a morning workout before work. At first, it was really tough, but I've gotten used to it, and I feel so much more energized. I'm also trying to cut down on caffeine, so I've been drinking green tea instead of coffee. By the

Chào Jack,  
Mình bắt đầu dậy lúc 5 giờ sáng để tập thể dục buổi sáng trước khi đi làm. Lúc đầu thì rất khó, nhưng giờ mình quen rồi và cảm thấy tràn đầy năng lượng hơn hẳn. Mình cũng đang cố giảm bớt lượng caffeine, nên mình chuyển sang uống trà xanh thay vì cà phê. Nhân

<p><i>way, do you have any morning routines that help you start your day off right? Let me know if you have any tips or ideas to make mornings even better!</i></p> <p><i>Cheers, Sophie</i></p>	<p><i>tiện, cậu có thói quen buổi sáng nào giúp cậu bắt đầu ngày mới một cách hiệu quả không? Cho mình biết nếu cậu có mẹo hoặc ý tưởng nào để làm buổi sáng thêm tuyệt vời nhé!</i></p> <p><i>Thân, Sophie</i></p>
<p><b>→ Chọn đáp án D</b></p>	

**Question 16.**

- a. He twisted his ankle badly and had to stop playing immediately because of the pain.
- b. He carefully followed the treatment plan, did physiotherapy exercises and took prescribed medications.
- c. Last month, Tom had a bad accident while playing football with his friends at the park.
- d. At first, he thought it was just a minor injury, but after visiting the doctor, he was told to rest and avoid walking for several days.
- e. After two weeks, he was able to walk again without any pain, and now he is fully recovered and back on the field.

**A. c – a – d – b – e**

**B. c – d – b – a – e**

**C. c – a – e – d – b**

**D. d – c – b – e – a**

<p><b>DỊCH BÀI</b></p>	
<p><i>Last month, Tom had a bad accident while playing football with his friends at the park. He twisted his ankle badly and had to stop playing immediately because of the pain. At first, he thought it was just a minor injury, but after visiting the doctor, he was told to rest and avoid walking for several days. He carefully followed the treatment plan, did physiotherapy exercises and took prescribed medications. After two weeks, he was able to walk again without any pain, and now he is fully recovered and back on the field.</i></p>	<p><i>Tháng trước, Tom gặp một tai nạn nghiêm trọng khi chơi bóng đá với bạn bè ở công viên. Cậu ấy bị trật mắt cá chân nghiêm trọng và phải dừng chơi ngay lập tức vì đau. Ban đầu, cậu ấy nghĩ đây chỉ là một chấn thương nhẹ, nhưng sau khi đi khám, bác sĩ nói cậu ấy cần nghỉ ngơi và tránh đi lại trong vài ngày. Cậu ấy cẩn thận làm theo kế hoạch điều trị, thực hiện các bài tập vật lý trị liệu và uống thuốc theo chỉ định. Sau hai tuần, cậu ấy có thể đi lại mà không còn đau nữa, và bây giờ cậu ấy đã hồi phục hoàn toàn và quay lại sân cỏ.</i></p>
<p><b>→ Chọn đáp án A</b></p>	

**Question 17.**

- a. Its consequences are devastating, with countless lives lost, economies destroyed, and entire populations left in dire conditions.
- b. Armed conflict has been a persistent issue throughout human history, causing immense suffering and displacement.
- c. The international community must work harder to find diplomatic solutions and promote peaceful coexistence, as the human cost of armed conflict is too high to ignore.
- d. Despite numerous peace efforts, many conflicts continue, leaving behind deep scars that last for generations.
- e. It often arises due to political, territorial, or belief-based disputes between nations or groups.

**A. b – e – a – d – c**

**B. c – b – e – d – a**

**C. b – a – d – e – c**

**D. b – e – d – c – a**

## DỊCH BÀI

Armed conflict has been a persistent issue throughout human history, causing immense suffering and displacement. It often arises due to political, territorial, or belief-based disputes between nations or groups. Its consequences are devastating, with countless lives lost, economies destroyed, and entire populations left in dire conditions. Despite numerous peace efforts, many conflicts continue, leaving behind deep scars that last for generations. The international community must work harder to find diplomatic solutions and promote peaceful coexistence, as the human cost of armed conflict is too high to ignore.

Xung đột vũ trang đã là một vấn đề dai dẳng xuyên suốt lịch sử loài người, gây ra đau khổ và buộc nhiều người phải rời bỏ nhà cửa. Nó thường phát sinh từ những tranh chấp chính trị, lãnh thổ hoặc dựa trên niềm tin giữa các quốc gia hoặc nhóm người. Hậu quả của nó thật tàn khốc, với vô số sinh mạng bị mất, nền kinh tế bị hủy hoại, và cả dân cư phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng. Mặc cho vô số nỗ lực hòa bình, nhiều cuộc xung đột vẫn tiếp diễn, để lại những vết thương sâu sắc kéo dài qua nhiều thế hệ. Cộng đồng quốc tế cần nỗ lực hơn nữa để tìm kiếm các giải pháp ngoại giao và thúc đẩy sự chung sống hòa bình, vì cái giá con người phải trả cho xung đột vũ trang là quá lớn để có thể phớt lờ.

→ **Chọn đáp án A**

**Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.**

The animation industry has become a global powerhouse in entertainment. Originating in the early 20<sup>th</sup> century, (18) \_\_\_\_\_. Gradually, it evolved into the sophisticated digital techniques we see today. Thanks to advances in technology, today's animated films (19) \_\_\_\_\_ can make the stories more immersive and engaging. For example, movies like Frozen and Toy Story have set new standards for visual effects, showcasing the potential of computer-generated imagery (CGI) and 3D modelling.

Moreover, (20) \_\_\_\_\_; it extends to television shows, video games, and even advertising, all of which rely on animation to create appealing content. The growth of streaming platforms such as Netflix and Disney+, which has led to a surge in demand for animated series, (21) \_\_\_\_\_. These platforms have not only given rise to new animated series but have also enabled smaller studios to gain visibility.

In addition to technological advancements, (22) \_\_\_\_\_. Animated films often transcend language barriers, reaching international audiences and offering unique insights into different cultures. This universal appeal is one of the reasons why animation continues to thrive, drawing attention from all corners of the world.

## DỊCH BÀI

The animation industry has become a global powerhouse in entertainment. Originating in the early 20th century, animation began with simple hand-drawn sketches. Gradually, it evolved into the sophisticated digital techniques we see today. Thanks to advances in technology, today's animated films that feature highly detailed characters and lifelike environments can make the stories more immersive and engaging. For example, movies like Frozen and Toy Story have set new standards for visual effects, showcasing the potential of computer-generated imagery (CGI) and 3D modelling.

Ngành công nghiệp hoạt hình đã trở thành một thế lực toàn cầu trong lĩnh vực giải trí. Xuất phát từ đầu thế kỷ 20, hoạt hình bắt đầu với những phác thảo đơn giản bằng tay. Dần dần, nó phát triển thành các kỹ thuật số tinh vi như chúng ta thấy ngày nay. Nhờ những tiến bộ trong công nghệ, các bộ phim hoạt hình ngày nay với các nhân vật được thiết kế chi tiết cao và môi trường sống động như thật có thể khiến câu chuyện trở nên cuốn hút và hấp dẫn hơn. Ví dụ, những bộ phim như Frozen và Toy Story đã thiết lập các tiêu chuẩn mới về hiệu ứng hình ảnh, thể hiện tiềm năng của công nghệ CGI và mô hình 3D.

Moreover, animation in modern times is not just limited to films; it extends to television shows, video games, and even advertising, all of which rely on animation to create appealing content. The growth of streaming platforms such as Netflix and Disney+, which has led to a surge in demand for animated series, has made animation a dominant form of entertainment worldwide. These platforms have not only given rise to new animated series but have also enabled smaller studios to gain visibility.

In addition to technological advancements, animation also plays a crucial role in cultural exchange. Animated films often transcend language barriers, reaching international audiences and offering unique insights into different cultures. This universal appeal is one of the reasons why animation continues to thrive, drawing attention from all corners of the world.

Hơn nữa, hoạt hình hiện đại không chỉ giới hạn ở các bộ phim; nó còn mở rộng ra các chương trình truyền hình, trò chơi điện tử, và thậm chí cả quảng cáo, tất cả đều dựa vào hoạt hình để tạo ra nội dung hấp dẫn. Sự phát triển của các nền tảng phát trực tuyến như Netflix và Disney+, điều này đã dẫn đến sự gia tăng nhu cầu về các loạt phim hoạt hình, đã khiến hoạt hình trở thành một hình thức giải trí chiếm ưu thế trên toàn cầu. Các nền tảng này không chỉ tạo ra các loạt phim hoạt hình mới mà còn giúp các studio nhỏ hơn có được sự chú ý.

Ngoài những tiến bộ công nghệ, hoạt hình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giao lưu văn hóa. Các bộ phim hoạt hình thường vượt qua rào cản ngôn ngữ, tiếp cận khán giả quốc tế và mang lại những góc nhìn độc đáo về các nền văn hóa khác nhau. Sức hấp dẫn phổ quát này là một trong những lý do tại sao hoạt hình tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thu hút sự chú ý từ khắp nơi trên thế giới.

#### Question 18.

- A. simple hand-drawn sketches were first used for animation
- B. people originally used only hand-drawn sketches for animation
- C. it's simple hand-drawn sketches that were used for animation
- D. animation began with simple hand-drawn sketches**

#### **Mệnh đề phân từ:**

*Câu có mệnh đề phân từ hiện tại "Originating in the early 20th century" → mệnh đề phân từ và mệnh đề chính phải chỉ cùng đối tượng*

- A. những bản phác thảo vẽ tay đơn giản đầu tiên được sử dụng cho hoạt hình → Sai vì "simple hand-drawn sketches" không phù hợp để làm chủ ngữ ở mệnh đề phân từ*
- B. mọi người ban đầu chỉ sử dụng bản phác thảo vẽ tay để làm hoạt hình → Sai vì "people" không phù hợp để làm chủ ngữ ở mệnh đề phân từ*
- C. đó là những bản phác thảo vẽ tay đơn giản được sử dụng cho hoạt hình → Sai vì "it" không phù hợp để làm chủ ngữ ở mệnh đề phân từ*
- D. hoạt hình bắt đầu với những phác thảo đơn giản bằng tay → Đúng vì "animation" phù hợp để làm chủ ngữ ở mệnh đề phân từ*

**Tạm dịch:** *Originating in the early 20th century, animation began with simple hand-drawn sketches. (Bắt nguồn từ đầu thế kỷ 20, hoạt hình bắt đầu với những phác thảo đơn giản bằng tay.)*

**→ Chọn đáp án D**

#### Question 19.

- A. have various vivid characters and lifelike environments
- B. that feature highly detailed characters and lifelike environments**
- C. to tell the story of real characters in real environments
- D. bring the characters portrayed in the story to life in lifelike settings

#### **Phân tích thành phần câu:**

*- Trạng ngữ: "Thanks to advances in technology"*



- Chủ ngữ: "today's animated films"

- Vị ngữ: "can make the stories more immersive and engaging"

→ Chỗ trống cần mệnh đề quan hệ

A. có nhiều nhân vật sống động và môi trường sống động → Sai vì sử dụng động từ chính có chia

B. với các nhân vật được thiết kế chi tiết cao và môi trường sống động như thật → Đúng vì sử dụng mệnh đề quan hệ với đại từ quan hệ "that" làm chủ ngữ thay thế cho "today's animated films"

C. kể câu chuyện về các nhân vật có thật trong môi trường có thật → Sai vì sử dụng mệnh đề "to V"

D. mang các nhân vật được miêu tả trong câu chuyện vào cuộc sống trong bối cảnh giống như thật → Sai vì sử dụng động từ chính có chia

**Tạm dịch:** Thanks to advances in technology, today's animated films that feature highly detailed characters and lifelike environments can make the stories more immersive and engaging. (Nhờ những tiến bộ trong công nghệ, các bộ phim hoạt hình ngày nay với các nhân vật được thiết kế chi tiết cao và môi trường sống động như thật có thể khiến câu chuyện trở nên cuốn hút và hấp dẫn hơn.)

→ Chọn đáp án B

#### Question 20.

A. animation in modern times is not just limited to films

B. people are increasingly inclined to watch traditional animation

C. animation films convey human values in a friendly way

D. animation today covers both practical and pressing topics

**Phân tích thành phần câu:**

- Trạng từ: "Moreover"

- Mệnh đề thứ hai: "it extends to television shows, video games, and even advertising, all of which rely on animation to create appealing content"

- Mệnh đề quan hệ thuộc mệnh đề thứ hai: "all of which rely on animation to create appealing content"

→ Chỗ trống cần 1 mệnh đề hoàn chỉnh

A. Hoạt hình thời hiện đại không chỉ giới hạn ở phim ảnh

B. Mọi người ngày càng có xu hướng xem hoạt hình truyền thống → Sai vì 'people' không phù hợp để liên kết với 'it' ở mệnh đề sau

C. Phim hoạt hình truyền tải các giá trị nhân văn theo cách thân thiện → Sai vì 'it' ở mệnh đề sau không thể thay thế cho cụm danh từ số nhiều 'animation films'

D. Hoạt hình ngày nay bao gồm cả các chủ đề thực tế và cấp bách → Không phù hợp về nội dung

**Tạm dịch:** Moreover, animation in modern times is not just limited to films; it extends to television shows, video games, and even advertising, all of which rely on animation to create appealing content. (Hơn nữa, hoạt hình hiện đại không chỉ giới hạn ở các bộ phim; nó còn mở rộng ra các chương trình truyền hình, trò chơi điện tử, và thậm chí cả quảng cáo, tất cả đều dựa vào hoạt hình để tạo ra nội dung hấp dẫn.)

→ Chọn đáp án A

#### Question 21.

A. and animation has dominated as a global form of entertainment

B. when animation became dominant in entertainment worldwide

C. what made animation dominant as a form of entertainment

D. has made animation a dominant form of entertainment worldwide

**Phân tích thành phần câu:**

- Chủ ngữ: "The growth of streaming platforms such as Netflix and Disney+"

- Mệnh đề quan hệ: "which has led to a surge in demand for animated series"

→ Chỗ trống cần vị ngữ với động từ đã chia

A. và hoạt hình đã thống trị như một hình thức giải trí toàn cầu → Sai vì sử dụng mệnh đề hoàn chỉnh

- B. khi hoạt hình trở nên thống trị trong ngành giải trí trên toàn thế giới → Sai vì sử dụng mệnh đề trạng ngữ  
 C. điều làm cho hoạt hình trở nên thống trị như một hình thức giải trí → Sai vì sử dụng mệnh đề danh từ  
 D. đã khiến hoạt hình trở thành một hình thức giải trí chiếm ưu thế trên toàn cầu

**Tạm dịch:** The growth of streaming platforms such as Netflix and Disney+, which has led to a surge in demand for animated series, has made animation a dominant form of entertainment worldwide. (Sự phát triển của các nền tảng phát trực tuyến như Netflix và Disney+, điều này đã dẫn đến sự gia tăng nhu cầu về các loạt phim hoạt hình, đã khiến hoạt hình trở thành một hình thức giải trí chiếm ưu thế trên toàn cầu.)

→ Chọn đáp án D

**Question 22.**

A. animation also plays a crucial role in cultural exchange

- B. animation is often associated with national culture  
 C. you must understand the culture before watching animation  
 D. culture is sometimes reflected through animation

- A. hoạt hình cũng đóng vai trò quan trọng trong giao lưu văn hóa  
 B. hoạt hình thường gắn liền với văn hóa quốc gia → Không phù hợp về nội ngữ nghĩa  
 C. bạn phải hiểu văn hóa trước khi xem hoạt hình → Không phù hợp về nội ngữ nghĩa  
 D. văn hóa đôi khi được phản ánh qua hoạt hình → Không phù hợp về nội ngữ nghĩa

**Tạm dịch:** In addition to technological advancements, animation also plays a crucial role in cultural exchange. (Ngoài những tiến bộ công nghệ, hoạt hình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giao lưu văn hóa.)

→ Chọn đáp án A

**Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.**

The British Isles are not just a geographic entity; they are a collage of ecological and scenic variety that has **evolved** over millennia. In recent years, as eco-tourism continues to gain popularity, these natural havens have attracted a growing number of nature enthusiasts.

People from all walks of life are now more eager than ever to step away from the hustle of modern life and immerse **themselves** in the serene, majestic, and sometimes wild environments of the UK. One of the best ways to experience the beauty and diversity of the UK's natural landscapes is by taking United Kingdom cruises. This journey through the UK's coastlines and islands is not just a travelogue; it's an exploration of the soul of Britain's outdoors.

However, as the popularity of these natural sites increases, the importance of balancing tourism with environmental preservation becomes paramount. Various organizations across the UK are dedicated to conserving these landscapes while promoting sustainable tourism practices. These efforts are crucial in ensuring that these natural wonders remain **unspoiled** for future generations, maintaining both their beauty and ecological integrity.

There are various things that those planning to explore the natural wonders should keep in mind. First, responsible and sustainable travel is essential. Second, adhering to local guidelines, respecting wildlife, and practising 'leave no trace' principles are vital in preserving these areas. **The most suitable times to visit vary, with each season offering its own unique experiences.** Finally, accommodation options are plentiful, ranging from eco-friendly lodges to camping sites, allowing visitors to stay immersed in nature.

(Adapted from <https://thebossmagazine.com/>)

<b>DỊCH BÀI</b>	
<i>The British Isles are not just a geographic entity; they are a collage of ecological and scenic variety that has evolved over millennia. In recent years, as eco-tourism continues to gain popularity, these natural</i>	<i>Quần đảo Anh không chỉ là một thực thể địa lý; chúng là sự kết hợp của sự đa dạng sinh thái và cảnh quan đã phát triển qua hàng thiên niên kỷ. Trong những năm gần đây, khi du lịch sinh thái tiếp tục trở</i>

havens have attracted a growing number of nature enthusiasts.

People from all walks of life are now more eager than ever to step away from the hustle of modern life and immerse themselves in the serene, majestic, and sometimes wild environments of the UK. One of the best ways to experience the beauty and diversity of the UK's natural landscapes is by taking United Kingdom cruises. This journey through the UK's coastlines and islands is not just a travelogue; it's an exploration of the soul of Britain's outdoors.

However, as the popularity of these natural sites increases, the importance of balancing tourism with environmental preservation becomes paramount. Various organizations across the UK are dedicated to conserving these landscapes while promoting sustainable tourism practices. These efforts are crucial in ensuring that these natural wonders remain unspoiled for future generations, maintaining both their beauty and ecological integrity.

There are various things that those planning to explore the natural wonders should keep in mind. First, responsible and sustainable travel is essential. Second, adhering to local guidelines, respecting wildlife, and practising 'leave no trace' principles are vital in preserving these areas. The most suitable times to visit vary, with each season offering its own unique experiences. Finally, accommodation options are plentiful, ranging from eco-friendly lodges to camping sites, allowing visitors to stay immersed in nature.

nên phổ biến, những thiên đường thiên nhiên này đã thu hút ngày càng nhiều người đam mê thiên nhiên.

Mọi người từ mọi tầng lớp xã hội hiện nay háo hức hơn bao giờ hết được thoát khỏi sự hối hả của cuộc sống hiện đại và đắm mình vào môi trường thanh bình, hùng vĩ và đôi khi hoang dã của Vương quốc Anh. Một trong những cách tốt nhất để trải nghiệm vẻ đẹp và sự đa dạng của cảnh quan thiên nhiên Vương quốc Anh là đi du thuyền Vương quốc Anh. Hành trình qua các bờ biển và hòn đảo của Vương quốc Anh này không chỉ là một cuốn nhật ký du lịch; mà còn là hành trình khám phá tâm hồn của thiên nhiên ngoài trời của Anh.

Tuy nhiên, khi sự phổ biến của những địa điểm thiên nhiên này ngày càng tăng, tầm quan trọng của việc cân bằng du lịch với bảo tồn môi trường trở nên tối quan trọng. Nhiều tổ chức khác nhau trên khắp Vương quốc Anh đang tận tụy bảo tồn những cảnh quan này đồng thời thúc đẩy các hoạt động du lịch bền vững. Những nỗ lực này rất quan trọng để đảm bảo rằng những kỳ quan thiên nhiên này vẫn nguyên sơ cho các thế hệ tương lai, duy trì cả vẻ đẹp và tính toàn vẹn sinh thái của chúng.

Có nhiều điều mà những người có kế hoạch khám phá những kỳ quan thiên nhiên này cần ghi nhớ. Đầu tiên, du lịch có trách nhiệm và bền vững là điều cần thiết. Thứ hai, tuân thủ các hướng dẫn của địa phương, tôn trọng động vật hoang dã và thực hành các nguyên tắc "không để lại dấu vết" là rất quan trọng trong việc bảo tồn các khu vực này. Thời điểm thích hợp nhất để ghé thăm thay đổi, mỗi mùa đều mang đến những trải nghiệm độc đáo riêng. Cuối cùng, có rất nhiều lựa chọn chỗ ở, từ nhà nghỉ thân thiện với môi trường đến các địa điểm cắm trại, cho phép du khách đắm mình vào thiên nhiên.

**Question 23.** The word **evolved** in paragraph 1 can be best replaced by \_\_\_\_\_.

- A. developed                      B. operated                      C. transferred                      D. orbited

Từ **evolved** trong đoạn 1 có thể được thay thế đúng nhất bằng từ \_\_\_\_\_.

- A. develop /dɪ'vel.əp/ (v): phát triển  
B. operate /'ɒp.ə.reɪt/ (v): vận hành  
C. transfer /træns'fɜːr/ (v): chuyển giao  
D. orbit /'ɔː.bɪt/ (v): đi theo quỹ đạo  
evolve /i'vɒlv/ (v): tiến hóa = develop

**Thông tin:**



- A. Respect wild species
- B. Travel responsibly and sustainably
- C. Go on trails to stay safe
- D. There are various accommodation choices

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập đến như một trong những điều cần ghi nhớ đối với bất kỳ ai muốn đến thăm các kỳ quan thiên nhiên?

- A. Tôn trọng các loài hoang dã
- B. Du lịch có trách nhiệm và bền vững
- C. Đi trên đường mòn để đảm bảo an toàn
- D. Có nhiều lựa chọn chỗ ở khác nhau

**Thông tin:**

+ Second, adhering to local guidelines, **respecting wildlife**, and practising 'leave no trace' principles are vital in preserving these areas. (Thứ hai, tuân thủ các hướng dẫn của địa phương, tôn trọng động vật hoang dã và thực hành các nguyên tắc "không để lại dấu vết" là rất quan trọng trong việc bảo tồn các khu vực này.)

→ A được đề cập

+ First, **responsible and sustainable travel** is essential. (Đầu tiên, du lịch có trách nhiệm và bền vững là điều cần thiết.)

→ B được đề cập

+ Finally, **accommodation options are plentiful**, ranging from eco-friendly lodges to camping sites, allowing visitors to stay immersed in nature. (Cuối cùng, có rất nhiều lựa chọn chỗ ở, từ nhà nghỉ thân thiện với môi trường đến các địa điểm cắm trại, cho phép du khách đắm mình vào thiên nhiên.)

→ D được đề cập

→ **Chọn đáp án C**

**Question 28.** Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. The British Isles are well known for their geographic features.
- B. Eco-tourism has led to a decline in the popularity of mass tourism in the UK.
- C. Various organizations are working to balance tourism and environmental preservation.
- D. Visitors should avoid any interaction with wildlife to preserve the natural areas.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Quần đảo Anh nổi tiếng với các đặc điểm địa lý của chúng.
- B. Du lịch sinh thái đã dẫn đến sự suy giảm mức độ phổ biến của du lịch đại chúng ở Vương quốc Anh.
- C. Nhiều tổ chức đang nỗ lực cân bằng giữa du lịch và bảo tồn môi trường.
- D. Du khách nên tránh mọi tương tác với động vật hoang dã để bảo tồn các khu vực tự nhiên.

**Thông tin:**

+ The British Isles are not just a geographic entity; they are a collage of ecological and scenic variety that has evolved over millennia. (Quần đảo Anh không chỉ là một thực thể địa lý; chúng là sự kết hợp của sự đa dạng sinh thái và cảnh quan đã phát triển qua hàng thiên niên kỷ.)

→ A sai

+ In recent years, as **eco-tourism continues to gain popularity**, these natural havens have attracted a growing number of nature enthusiasts. (Trong những năm gần đây, khi du lịch sinh thái tiếp tục trở nên phổ biến, những thiên đường thiên nhiên này đã thu hút ngày càng nhiều người đam mê thiên nhiên.)

→ B sai

+ Second, adhering to local guidelines, **respecting wildlife**, and practising 'leave no trace' principles are vital in preserving these areas. (Thứ hai, tuân thủ các hướng dẫn của địa phương, tôn trọng động vật hoang dã và thực hành các nguyên tắc 'không để lại dấu vết' là rất quan trọng trong việc bảo tồn các khu vực này.)

→ D sai

+ *Various organizations across the UK are dedicated to **conserving these landscapes while promoting sustainable tourism practices.** (Nhiều tổ chức khác nhau trên khắp Vương quốc Anh đang tận tụy bảo tồn những cảnh quan này đồng thời thúc đẩy các hoạt động du lịch bền vững.)*

→ C đúng

→ **Chọn đáp án C**

**Question 29.** In which paragraph does the author suggest a good way to explore the UK?

- A. paragraph 1                      **B. paragraph 2**                      C. paragraph 3                      D. paragraph 4

*Tác giả gợi ý về một cách tốt để khám phá Vương quốc Anh trong đoạn nào?*

- A. đoạn 1 B. đoạn 2 C. đoạn 3 D. đoạn 4

**Thông tin:**

***One of the best ways to experience the beauty and diversity of the UK's natural landscapes is by taking United Kingdom cruises.** This journey through the UK's coastlines and islands is not just a travelogue; it's an exploration of the soul of Britain's outdoors. (Một trong những cách tốt nhất để trải nghiệm vẻ đẹp và sự đa dạng của cảnh quan thiên nhiên Vương quốc Anh là đi du thuyền Vương quốc Anh. Hành trình qua các bờ biển và hòn đảo của Vương quốc Anh này không chỉ là một cuốn nhật ký du lịch; mà còn là hành trình khám phá tâm hồn của thiên nhiên ngoài trời của Anh.)*

→ **Chọn đáp án B**

**Question 30.** In which paragraph does the author introduce a rise in a travelling style?

- A. paragraph 1**                      B. paragraph 2                      C. paragraph 3                      D. paragraph 4

*Tác giả giới thiệu sự gia tăng một phong cách du lịch trong đoạn nào?*

- A. đoạn 1 B. đoạn 2 C. đoạn 3 D. đoạn 4

*Tác giả giới thiệu sự gia tăng trong phong cách du lịch vào đoạn 1.*

**Thông tin:**

*In recent years, as **eco-tourism continues to gain popularity**, these natural havens have attracted a growing number of nature enthusiasts. (Trong những năm gần đây, khi du lịch sinh thái tiếp tục trở nên phổ biến, những thiên đường thiên nhiên này đã thu hút ngày càng nhiều người đam mê thiên nhiên.)*

→ **Chọn đáp án A**

**Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.**

Each year, over 700,000 emergency room visits involve children with asthma, according to the Journal of the American College of Emergency Room Physicians. While the exact cause of asthma remains unclear, and there is no cure, scientists know **it runs in families** and has linked the condition to over 30 genes. **Children with parents who have asthma are more likely to develop the condition.**

Factors such as prenatal antibiotic treatments, indoor pollutants, smoking, and being overweight can factor into the development of the disease in adults. Socioeconomic factors can also play a significant role. Researchers supported by the National Institute of Environmental Health Sciences have found that adults living in neighbourhoods with the most air pollution had the highest rates of asthma.

Fortunately, though, recent research suggests pregnant women may have some degree of control over whether their children develop asthma. **(I)** Women were once advised to avoid exercise during pregnancy to avoid the risk of premature labour or low birth weight. **(II)** However, physical activity is now seen as **beneficial** for the well-being of both the woman and the baby. **(III)** Moderate physical activity can help prevent excessive weight gain and gestational diabetes, according to the U.S. Centers for Disease Control and Prevention (CDC). **(IV)**

The agency also recommends healthy pregnant women get at least 150 minutes of moderate-intensity exercise per week, which can include brisk walking, bike riding, and yoga. Maternal exercise is associated with better outcomes for babies. Studies have shown that regular physical activities with increased blood flow during pregnancy can result in better lung, heart, and cognitive development in **them**.

(Adapted from <https://www.nationalgeographic.com/>)

## DỊCH BÀI

Each year, over 700,000 emergency room visits involve children with asthma, according to the *Journal of the American College of Emergency Room Physicians*. While the exact cause of asthma remains unclear, and there is no cure, scientists know it runs in families and has linked the condition to over 30 genes. Children with parents who have asthma are more likely to develop the condition.

Factors such as prenatal antibiotic treatments, indoor pollutants, smoking, and being overweight can factor into the development of the disease in adults. Socioeconomic factors can also play a significant role. Researchers supported by the National Institute of Environmental Health Sciences have found that adults living in neighbourhoods with the most air pollution had the highest rates of asthma.

Fortunately, though, recent research suggests pregnant women may have some degree of control over whether their children develop asthma. Women were once advised to avoid exercise during pregnancy to avoid the risk of premature labour or low birth weight. However, physical activity is now seen as beneficial for the well-being of both the woman and the baby. Moderate physical activity can help prevent excessive weight gain and gestational diabetes, according to the U.S. Centers for Disease Control and Prevention (CDC). Moreover, it supports heart and lung health during pregnancy.

The agency also recommends healthy pregnant women get at least 150 minutes of moderate-intensity exercise per week, which can include brisk walking, bike riding, and yoga. Maternal exercise is associated with better outcomes for babies. Studies have shown that regular physical activities with increased blood flow during pregnancy can result in better lung, heart, and cognitive development in them.

Mỗi năm, trẻ em phải đến phòng cấp cứu liên quan đến bệnh hen suyễn hơn 700,000 lượt, theo *Tạp chí của Hiệp hội Bác sĩ Phòng Cấp cứu Hoa Kỳ*. Mặc dù nguyên nhân chính xác gây ra bệnh hen suyễn vẫn chưa được làm rõ và hiện chưa có cách chữa trị, các nhà khoa học biết rằng bệnh này có tính di truyền trong gia đình và đã xác định được mối liên quan với hơn 30 gen. Trẻ em có cha mẹ mắc bệnh hen suyễn có nguy cơ mắc bệnh này cao hơn.

Các yếu tố như điều trị kháng sinh trong giai đoạn mang thai, các chất ô nhiễm trong nhà, hút thuốc, và thừa cân có thể góp phần vào sự phát triển của bệnh ở người lớn. Các yếu tố kinh tế - xã hội cũng có thể đóng vai trò quan trọng. Các nhà nghiên cứu được hỗ trợ bởi Viện Quốc gia về Khoa học Sức khỏe Môi trường đã phát hiện rằng người lớn sống ở những khu vực có mức độ ô nhiễm không khí cao nhất cũng có tỷ lệ mắc bệnh hen suyễn cao nhất.

Tuy nhiên, nghiên cứu gần đây cho thấy phụ nữ mang thai có thể kiểm soát một phần nào đó việc con cái họ có phát triển bệnh hen suyễn hay không. Trước đây, phụ nữ được khuyên nên tránh tập thể dục trong thời gian mang thai để tránh nguy cơ sinh non hoặc trẻ nhẹ cân. Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động thể chất được xem là có lợi cho sức khỏe của cả người mẹ và em bé. Theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), hoạt động thể chất vừa phải có thể giúp ngăn ngừa tăng cân quá mức và bệnh tiểu đường thai kỳ. Hơn nữa, nó hỗ trợ sức khỏe tim và phổi trong thời kỳ mang thai.

Cơ quan này cũng khuyến nghị phụ nữ mang thai khỏe mạnh nên tập ít nhất 150 phút các bài tập thể dục với cường độ vừa phải mỗi tuần, bao gồm đi bộ nhanh, đạp xe và yoga. Việc tập thể dục của mẹ có liên quan đến kết quả tốt hơn cho em bé. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động thể chất đều đặn giúp tăng lưu thông máu trong thai kỳ có thể mang lại sự phát triển tốt hơn về phổi, tim, và nhận thức cho trẻ.

Question 31. The word **them** in paragraph 4 refers to \_\_\_\_\_.

A. outcomes

**B. babies**

C. studies

D. activities

Từ **them** trong đoạn 4 đề cập đến \_\_\_\_\_.

- A. những kết quả
- B. những trẻ em
- C. các nghiên cứu
- D. các hoạt động

**Thông tin:**

Maternal exercise is associated with better outcomes for **babies**. Studies have shown that regular physical activities with increased blood flow during pregnancy can result in better lung, heart, and cognitive development in **them**. (Việc tập thể dục của mẹ có liên quan đến kết quả tốt hơn cho em bé. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động thể chất đều đặn giúp tăng lưu thông máu trong thai kỳ có thể mang lại sự phát triển tốt hơn về phổi, tim, và nhận thức cho trẻ.)

→ Chọn đáp án B

Question 32. Where in paragraph 3 does the following sentence best fit?

Moreover, it supports heart and lung health during pregnancy.

- A. (I)
- B. (II)
- C. (III)
- D. (IV)

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong đoạn 3?

“Hơn nữa, nó hỗ trợ sức khỏe tim và phổi trong thời kỳ mang thai.”

- A. (I) B. (II) C. (III) D. (IV)

**Thông tin:** Câu này nói về lợi ích sức khỏe tim và phổi khi mang thai. Câu liền trước nhắc đến các lợi ích của hoạt động thể chất:

Moderate physical activity can help prevent excessive weight gain and gestational diabetes, according to the U.S. Centers for Disease Control and Prevention (CDC). **Moreover, it supports heart and lung health during pregnancy.** (Theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), hoạt động thể chất vừa phải có thể giúp ngăn ngừa tăng cân quá mức và bệnh tiểu đường thai kỳ. Hơn nữa, nó hỗ trợ sức khỏe tim và phổi trong thời kỳ mang thai.)

=> Do đó, câu này sẽ phù hợp nhất ở vị trí (IV)

→ Chọn đáp án D

Question 33. The phrase **it runs in families** in paragraph 3 mostly means \_\_\_\_\_.

- A. many family members have it
- B. it is a common issue among families
- C. family members never ignore it
- D. families often consider it unimportant

Cụm từ **it runs in families** trong đoạn 3 có nghĩa là \_\_\_\_\_.

- A. nhiều thành viên trong gia đình mắc bệnh này
- B. đây là vấn đề phổ biến trong các gia đình
- C. các thành viên trong gia đình không bao giờ phớt lờ nó
- D. các gia đình thường xem nhẹ nó

**it runs in families:** nó di truyền trong các gia đình = many family members have it

**Thông tin:**

While the exact cause of asthma remains unclear, and there is no cure, scientists know **it runs in families** and has linked the condition to over 30 genes. (Mặc dù nguyên nhân chính xác gây ra bệnh hen suyễn vẫn chưa được làm rõ và hiện chưa có cách chữa trị, các nhà khoa học biết rằng bệnh này có tính di truyền trong gia đình và đã xác định được mối liên quan với hơn 30 gen.)

→ Chọn đáp án A

Question 34. Which of the following is NOT mentioned as one of the factors likely to cause asthma in adults?

- A. indoor pollutants
- B. personal hygiene
- C. smoking
- D. air pollution

Yếu tố nào sau đây KHÔNG được đề cập là nguyên nhân gây bệnh hen suyễn ở người lớn?



- A. chất ô nhiễm trong nhà
- B. vệ sinh cá nhân
- C. hút thuốc
- D. ô nhiễm không khí

**Thông tin:**

+ Factors such as prenatal antibiotic treatments, **indoor pollutants**, **smoking**, and being overweight can factor into the development of the disease in adults. (Các yếu tố như điều trị kháng sinh trong giai đoạn mang thai, các chất ô nhiễm trong nhà, hút thuốc, và thừa cân có thể góp phần vào sự phát triển của bệnh ở người lớn.)

→ A, C được đề cập

+ Researchers supported by the National Institute of Environmental Health Sciences have found that adults living in neighbourhoods with the most **air pollution** had the highest rates of asthma. (Các nhà nghiên cứu được hỗ trợ bởi Viện Quốc gia về Khoa học Sức khỏe Môi trường đã phát hiện rằng người lớn sống ở những khu vực có mức độ ô nhiễm không khí cao nhất cũng có tỷ lệ mắc bệnh hen suyễn cao nhất.)

→ D được đề cập

→ **Chọn đáp án B**

**Question 35.** The word **beneficial** in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. endangered
- B. vulnerable
- C. complimentary
- D. detrimental**

Từ **beneficial** trong đoạn 3 TRÁI NGHĨA với từ \_\_\_\_\_.

- A. endangered /ɪnˈdeɪndʒəd/ (adj): bị đe dọa, gặp nguy hiểm
  - B. vulnerable /ˈvʌlnərəbəl/ (adj): dễ bị tổn thương
  - C. complimentary /ˌkɒmplɪˈmentri/ (adj): miễn phí
  - D. detrimental /ˌdetriˈmentl/ (adj): có hại, gây bất lợi
- beneficial** /ˌben.ɪˈfɪ.əl/ (adj): có lợi >< detrimental

**Thông tin:**

However, physical activity is now seen as beneficial for the well-being of both the woman and the baby. (Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động thể chất được xem là có lợi cho sức khỏe của cả người mẹ và em bé.)

→ **Chọn đáp án D**

**Question 36.** Which of the following best summarises paragraph 4?

- A. Regular physical activity during pregnancy can reduce the risk of developing asthma.
- B. Babies will benefit mentally from active mothers once they are born.
- C. Pregnant women should exercise properly to improve the health of their babies.**
- D. To maintain good health during pregnancy, women should exercise regularly.

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất nội dung đoạn 4?

- A. Tập thể dục thường xuyên khi mang thai có thể giảm nguy cơ phát triển bệnh hen suyễn.
- B. Trẻ em sẽ nhận được lợi ích về tinh thần từ các bà mẹ năng động sau khi sinh.
- C. Phụ nữ mang thai nên tập thể dục đúng cách để cải thiện sức khỏe của con mình.
- D. Để duy trì sức khỏe tốt trong thai kỳ, phụ nữ nên tập thể dục thường xuyên.

**Thông tin:**

The agency also recommends **healthy pregnant women get at least 150 minutes of moderate-intensity exercise per week**, which can include brisk walking, bike riding, and yoga. Maternal exercise is associated with better outcomes for babies. Studies have shown that regular physical activities with increased blood flow during pregnancy can result in better lung, heart, and cognitive development in them. (Cơ quan này cũng khuyến nghị phụ nữ mang thai khỏe mạnh nên tập ít nhất 150 phút các bài tập thể dục với cường độ vừa phải mỗi tuần, bao gồm đi bộ nhanh, đạp xe và yoga. Việc tập thể dục của mẹ có liên quan đến kết quả tốt hơn cho em bé. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động thể chất đều đặn giúp tăng lưu thông máu trong thai kỳ có thể mang lại sự phát triển tốt hơn về phổi, tim, và nhận thức cho trẻ.)

=> Đoạn 4 nói về lợi ích sức khỏe cho cả mẹ và con nếu tập thể dục đúng cách trong thai kỳ.

→ Chọn đáp án C

Question 37. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 1?

- A. The likelihood of developing asthma is higher in children whose parents have it.
- B. Children are less likely to develop asthma if their parents do not have the disease.
- C. Having parents without asthma increases the chances of a child developing asthma.
- D. Asthma is more likely to develop in children whose parents do not have the condition.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân trong đoạn 1 đúng nhất?

- A. Khả năng mắc bệnh hen suyễn cao hơn ở những trẻ có cha mẹ mắc bệnh này.
- B. Trẻ em ít có khả năng mắc bệnh hen suyễn hơn nếu cha mẹ chúng không mắc bệnh này.
- C. Có cha mẹ không mắc bệnh hen suyễn làm tăng khả năng trẻ em mắc bệnh hen suyễn.
- D. Trẻ em có khả năng mắc bệnh hen suyễn cao hơn ở trẻ em có cha mẹ không mắc bệnh này.

Thông tin:

Children with parents who have asthma are more likely to develop the condition. (Trẻ em có cha mẹ mắc bệnh hen suyễn có nguy cơ phát triển bệnh này cao hơn.)

→ Chọn đáp án A

Question 38. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Asthma is primarily caused by prenatal antibiotic treatments.
- B. Social and economic factors can influence the development of asthma.
- C. Physical exercise during pregnancy is discouraged by health experts.
- D. Babies whose mothers exercise during pregnancy are less likely to have lung issues.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Hen suyễn chủ yếu là do điều trị bằng kháng sinh trước khi sinh.
- B. Các yếu tố xã hội và kinh tế có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của bệnh hen suyễn.
- C. Các chuyên gia y tế không khuyến khích tập thể dục trong thời kỳ mang thai.
- D. Trẻ sơ sinh có mẹ tập thể dục trong thời kỳ mang thai ít có khả năng mắc các vấn đề về phổi.

Thông tin:

+ **Factors such as prenatal antibiotic treatments, indoor pollutants, smoking, and being overweight can factor into the development of the disease** in adults. (Các yếu tố như điều trị kháng sinh trong giai đoạn mang thai, các chất ô nhiễm trong nhà, hút thuốc, và thừa cân có thể góp phần vào sự phát triển của bệnh ở người lớn.)

→ A sai vì điều trị kháng sinh chỉ là một trong nhiều yếu tố có thể góp phần, không phải nguyên nhân chính

+ The agency also **recommends healthy pregnant women get at least 150 minutes of moderate-intensity exercise per week, which can include brisk walking, bike riding, and yoga.** (Cơ quan này cũng khuyến nghị phụ nữ mang thai khỏe mạnh nên tập ít nhất 150 phút các bài tập thể dục với cường độ vừa phải mỗi tuần, bao gồm đi bộ nhanh, đạp xe và yoga.)

→ C sai

+ **Maternal exercise is associated with better outcomes for babies. Studies have shown that regular physical activities with increased blood flow during pregnancy can result in better lung, heart, and cognitive development in them.** (Việc tập thể dục của mẹ có liên quan đến kết quả tốt hơn cho em bé. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động thể chất đều đặn giúp tăng lưu thông máu trong thai kỳ có thể mang lại sự phát triển tốt hơn về phổi, tim, và nhận thức cho trẻ.)

→ D sai vì đoạn văn chỉ nói tập thể dục trong thai kỳ giúp phổi khỏe hơn, không đề cập việc giảm khả năng mắc bệnh phổi

+ **Socioeconomic factors can also play a significant role.** (Các yếu tố kinh tế - xã hội cũng có thể đóng vai trò quan trọng.)

→ B đúng

→ Chọn đáp án B

**Question 39.** Which of the following can be inferred from the passage?

- A. Regular physical activity during pregnancy has long-term positive effects on the child's cognitive development.
- B. Although maternal exercise is beneficial, it does not guarantee that children will be free from asthma.
- C. Physical exercise during pregnancy may contribute to better overall health for both mothers and babies.
- D. Environmental factors are significant contributors to the increasing rates of asthma in both adults and children.

*Có thể suy ra điều nào sau đây từ đoạn văn?*

- A. Hoạt động thể chất thường xuyên trong thời kỳ mang thai có tác động tích cực lâu dài đến sự phát triển nhận thức của trẻ.
- B. Mặc dù việc tập thể dục của bà mẹ có lợi, nhưng không đảm bảo rằng trẻ sẽ không bị hen suyễn.
- C. Tập thể dục trong thời kỳ mang thai có thể góp phần cải thiện sức khỏe tổng thể cho cả bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- D. Các yếu tố môi trường là tác nhân đáng kể dẫn đến tỷ lệ mắc bệnh hen suyễn ngày càng tăng ở cả người lớn và trẻ em.

**Thông tin:**

+ Studies have shown that regular physical activities with increased blood flow during pregnancy can result in better lung, heart, and cognitive development in them. (Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động thể chất đều đặn giúp tăng lưu thông máu trong thai kỳ có thể mang lại sự phát triển tốt hơn về phổi, tim và nhận thức.)

→ A sai vì câu không đề cập đến "hiệu quả lâu dài"

+ Studies have shown that **regular physical activities** with increased blood flow during pregnancy **can result in better lung, heart, and cognitive development** in them. (Việc tập thể dục của mẹ có liên quan đến kết quả tốt hơn cho em bé. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động thể chất đều đặn giúp tăng lưu thông máu trong thai kỳ có thể mang lại sự phát triển tốt hơn về phổi, tim, và nhận thức cho trẻ.)

→ B sai vì đoạn văn chỉ đề cập việc tập thể dục trong thai kỳ giúp cải thiện tim, phổi và nhận thức

+ Researchers supported by the National Institute of Environmental Health Sciences have found that adults living in neighbourhoods with the most air pollution had the highest rates of asthma. (Các nhà nghiên cứu được hỗ trợ bởi Viện Quốc gia về Khoa học Sức khỏe Môi trường đã phát hiện rằng người lớn sống ở những khu vực có mức độ ô nhiễm không khí cao nhất cũng có tỷ lệ mắc bệnh hen suyễn cao nhất.)

→ D sai vì chỉ nói về người lớn

+ However, **physical activity is now seen as beneficial for the well-being of both the woman and the baby.** (Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động thể chất được xem là có lợi cho sức khỏe của cả người mẹ và em bé.)

→ C đúng

→ **Chọn đáp án C**

**Question 40.** Which of the following best summarises the passage?

- A. Asthma remains largely unstudied, and exercise during pregnancy is proven to prevent this health condition in both mothers and babies.
- B. Asthma is caused by many indoor and outdoor factors, and pregnant women should avoid polluted areas to maintain their babies' future health.
- C. Socioeconomic factors, air pollution, and family history contribute to the risk of asthma, while exercise is recommended for health improvements.
- D. Asthma is caused by genetics, environmental factors, and lifestyle, and maternal exercise during pregnancy can reduce the risk of asthma in babies.

*Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn văn này?*

- A. Hen suyễn vẫn chưa được nghiên cứu nhiều và việc tập thể dục trong thời kỳ mang thai đã được chứng minh là có thể ngăn ngừa tình trạng sức khỏe này ở cả bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- B. Hen suyễn do nhiều yếu tố trong nhà và ngoài trời gây ra và phụ nữ mang thai nên tránh xa những khu vực ô nhiễm để duy trì sức khỏe tương lai cho con mình.

C. Các yếu tố kinh tế xã hội, ô nhiễm không khí và tiền sử gia đình góp phần gây ra nguy cơ mắc bệnh hen suyễn, trong khi tập thể dục được khuyến khích để cải thiện sức khỏe.

D. Hen suyễn do di truyền, các yếu tố môi trường và lối sống gây ra và việc bà mẹ tập thể dục trong thời kỳ mang thai có thể làm giảm nguy cơ mắc bệnh hen suyễn ở trẻ sơ sinh.

**Tóm tắt:**

+ Đoạn 1: Mỗi năm, hơn 700,000 lượt khám cấp cứu liên quan đến trẻ em mắc bệnh hen suyễn. Mặc dù nguyên nhân chính xác của bệnh hen suyễn chưa rõ ràng và không có cách chữa trị, nhưng các nhà khoa học đã liên kết bệnh này với hơn 30 gen di truyền và nhận thấy rằng trẻ em có cha mẹ bị hen suyễn dễ mắc bệnh này hơn.

+ Đoạn 2: Các yếu tố như điều trị kháng sinh trong thai kỳ, chất ô nhiễm trong nhà, hút thuốc và thừa cân có thể góp phần vào sự phát triển của bệnh ở người lớn. Yếu tố kinh tế xã hội cũng đóng vai trò quan trọng. Nghiên cứu cho thấy người lớn sống ở những khu vực ô nhiễm không khí cao có tỷ lệ hen suyễn cao nhất.

+ Đoạn 3: Nghiên cứu gần đây cho thấy phụ nữ mang thai có thể kiểm soát phần nào việc con mình có phát triển hen suyễn hay không. Tập thể dục trong thai kỳ được coi là có lợi cho sức khỏe của cả bà mẹ và thai nhi, giúp ngăn ngừa tăng cân quá mức và tiểu đường thai kỳ, đồng thời hỗ trợ sức khỏe tim và phổi.

+ Đoạn 4: Cơ quan y tế khuyến nghị phụ nữ mang thai khỏe mạnh nên tập thể dục cường độ vừa phải ít nhất 150 phút mỗi tuần. Tập thể dục khi mang thai có liên quan đến kết quả tốt hơn cho trẻ sơ sinh, với sự phát triển tốt hơn về phổi, tim và nhận thức.

==> Bệnh hen suyễn là một vấn đề sức khỏe phổ biến, ảnh hưởng đến nhiều trẻ em, với nguyên nhân và các yếu tố di truyền và môi trường vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng. Các yếu tố như điều trị kháng sinh trong thai kỳ, ô nhiễm không khí và hút thuốc có thể góp phần vào sự phát triển của bệnh ở người lớn. Phụ nữ mang thai có thể giảm nguy cơ con bị hen suyễn bằng cách duy trì việc tập thể dục đều đặn, mang lại lợi ích sức khỏe cho cả mẹ và bé. Tập thể dục khi mang thai không chỉ tốt cho sức khỏe của bà mẹ và thai nhi mà còn giúp cải thiện sự phát triển của phổi, tim và nhận thức cho trẻ.

→ Chọn đáp án D